ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH ĐA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32 /TB-UBND	*Thanh Đa, ngày 29 tháng 04 năm 2025*

THÔNG BÁO

Về việc công khai và triển khai thực hiện Danh mục TTHC được công bố mới, sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND xã

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền Địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-TTPVHCC ngày 31/03/2025 của Giám đốc TTPVHHC về việc công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở tài chính thành phố Hà Nội sau sắp xếp, tổ chức bộ máy.

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTPVHCC ngày 31/03/2025 của Giám đốc TTPVHHC về Công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hoá và TT TP Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-TTPVHCC ngày 04/04/2025 của Giám đốc TTPVHHC về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung và TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực việc làm, lao động tiền lương, người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội Vụ thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTPVHCC ngày 08/04/2025 của Giám đốc TTPVHHC về Công bố danh mục TTHC lĩnh vực trồng trọt, BVTV, KHCNMT thuộc phạm vi chức năng quản lý của sở NN&MT TP Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-TTPVHCC ngày 09/04/2025 của Giám đốc TTPVHHC về công bố danh mục TTHC lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, QLCL, Nông, lâm sản và thuỷ sản; Quản lý doanh nghiệp; Nông nghiệp; Khoa học công nghệ và môi trường; Chăn nuôi, giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng QLNN của Sở Nông nghiệp và môi trường tp Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ -TTPVHCC ngày 17/4/2025 về việc công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế thành phố Hà Nội.

UBND xã Thanh Đa niêm yết công khai và triển khai tiếp nhận các TTHC *(Có danh mục TTHC kèm theo).*

Giao công chức Địa chính -XD, VH-XH phối hợp với cán bộ đầu mối KSTTH xã thực hiện cập nhập danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã; niêm yết công khai quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC theo quy định.

UBND xã Thanh Đa thông báo để các bộ phận, cán bộ, công chức chuyên môn, các đoàn thể, tổ chức, cá nhân được biết để thực hiện./.

Nơi nhận:
- Văn phòng UBND huyện (để b/c);
- Các CB, CC;
- Niêm yết công khai tại BP Một cửa xã; trang thông tin điện tử xã; Đài TT xã (để đưa tin).
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ
(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày 29 tháng 04 năm 2025 của UBND xã Thanh Đa)

STT	Thủ tục hành chính	Nhóm lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	*QĐ 553 ngày 31/3/2025*
2.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác		
3.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		
4.	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX		
5.	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp		
6.	Cấm tiếp xúc theo quyết định của chủ tịch UBND cấp xã	Văn hoá TT	*QĐ 607 ngày 15/04/2025 TTPVHCC*
7.	Huỷ bỏ quyết định cấm tiếp xúc		
8.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã		
9.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng		
10.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng		
11.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng		
12.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở		
13.	Cấp " Bằng Tổ quốc ghi công"		

14.	Cấp" Bằng Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp " Bằng Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31/12/1994 trở về trước.	*Người có công*	*QĐ 579 ngày 04/4/2025 TTPVHCC*
15.	Cấp đổi Bằng : "Tổ quốc ghi công"		
16.	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"		
17.	Cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh		
18.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội(nay là bộ Nôi Vụ) quản lý		
19.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an.		
20.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công do Thành phố quản lý		
21.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ		
22.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng		
23.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
24.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
25.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm		

	nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày		
26.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
27.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
28.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		
29.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần		
30.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		
31.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh		
32.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp		
33.	Thăm viếng mộ liệt sỹ		
34.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “ Bà mẹ Việt nam anh hùng”		
35.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		
36.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an		
37.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công		

38.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
39.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
40.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
41.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	*Lĩnh vực khoa học CN&MT*	*QĐ 581 ngày 08/04/2025 TTPVHCC*
42.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích		
43.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình	*Lĩnh vực giảm nghèo*	*QĐ 592 ngày 09/04/2025TTPVHCC*
44.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		
45.	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm		
46.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		
47.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện		
48.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện		

49.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	*Bảo trợ xã hội*	*QĐ 626 ngày 17/4/2025 TTPVHCC*
50.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng		
51.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
52.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
53.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		
54.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		
55.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		
56.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn		
57.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật		
58.	Cấp đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật		
59.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		

60.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
61.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
62.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		
63.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		
64.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		